



TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

ISSN: 2354 - 1431

<http://tckh.daihoctantrao.edu.vn/>



TỘC DANH SỬ DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG NGÔN NGỮ Ở VIỆT NAM

Vương Toàn^{a*}

^a Chủ nhiệm Chương trình Thái học Việt Nam

* Email: vuongtoanls@gmail.com

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

27/3/2020

Ngày duyệt đăng:

10/6/2020

Từ khóa:

Tộc danh, Nhóm dân tộc, Sử dụng ngôn ngữ, Việt Nam

Tóm tắt

Các tộc danh chính thức trong các bài viết khác nhau có thể thay đổi theo các quyết định để xác định các thành phần dân tộc được thành lập ở nước ta hiện nay.

Bài viết này nhắc lại những thay đổi cần lưu ý để tránh nhầm lẫn khi xử lý và khai thác thông tin cho các nghiên cứu về các nhóm dân tộc khác nhau ở Việt Nam. Phải đặc biệt thận trọng khi kết hợp tộc danh.

1. Tộc danh với những cách gọi và cách viết khác nhau

Thuộc phạm vi nghiên cứu của *môn tên gọi* hay *dan học* (tiếng Anh: *onomastics* hay *name study*, tiếng Pháp: *onomasiologie, onomastique*), *tộc danh* là *tên dân tộc* hay *tộc người*, có thể gồm những *cách gọi*, dẫn đến những *cách viết* khác nhau, do chúng có nguồn gốc khác nhau, do đó là (những) *tên tự gọi* hay *tên được gọi* bởi (các) dân tộc khác, hoặc do (các) nhà khoa học đặt ra, có thể được chính thức công nhận hoặc không.

Cần lưu ý rằng khi xác định thành phần dân tộc, các nhà nghiên cứu (trong và ngoài nước) đều có thể đưa ra cách phân định của mình, dựa trên những cứ liệu khoa học và đưa ra một tên gọi, có thể không hoàn toàn trùng với tên tự gọi hoặc thường gọi. Ví dụ: Người Tày gọi người *Kinh* là *Keo*, gọi người *Hoa* là *Hác*,... Như thế, xét về nguồn gốc, có tên tự gọi, tên do (các) dân tộc khác gọi, tên do (các) nhà nghiên cứu đặt (và/hoặc dịch ra tiếng nước ngoài) và quan trọng hơn cả là *tên chính thức* được ghi trong các văn bản có tính pháp quy.

Khảo sát việc sử dụng tộc danh cần phải quy về tên gọi chính thức, luôn tùy thuộc vào Danh mục các dân tộc đã được đưa ra, vào những thời điểm công bố khác

nhau (sẽ được nói đến ở mục 2.). Vì lẽ đó, những tên gọi này có thể thống nhất là một, song cũng có thể khác nhau, trong không ít trường hợp. Sự khác biệt có khi không chỉ ở cấp độ ngữ âm - từ vựng mà còn ở cả sắc thái tu từ (trung tính hay miệt thị). Sự khác biệt có thể mang tính lịch sử, nghĩa là tên gọi (kể cả tên chính thức) được thay đổi khi sử dụng ở những thời điểm khác nhau.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và đa ngôn ngữ, cùng chung sống hòa thuận. Trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, có những dân tộc vốn sinh ra và phát triển trên mảnh đất này ngay từ thừa ban đầu, có những dân tộc từ nơi khác lần lượt di cư đến nước ta. Lịch sử nước ta là lịch sử các dân tộc anh em chung lưng đấu cật, đoàn kết chung sức chung lòng dựng nước và giữ nước.

Do ở nước ta, *tộc danh chính thức* có thể thay đổi ở mỗi lần xác định thành phần các dân tộc, vốn là một trong những nhiệm vụ khoa học phức tạp, nhưng có ý nghĩa chính trị sâu sắc. Thuật ngữ *dân tộc* trong *dân tộc* ở đây được hiểu là *tộc người* hay có người dùng là *sắc tộc* (tiếng Anh : *ethnic group* ; tiếng Pháp : *ethnie*, khác với *nation*, cũng có lúc dịch là *dân tộc*). Công việc đòi hỏi sự nghiên cứu toàn diện về các dân tộc, trong đó

cần nhận thức đúng đắn về các quan niệm khoa học (như thế nào là một dân tộc, tiêu chuẩn và phương pháp xác định thành phần dân tộc, các quá trình tộc người...), nắm được những quan điểm cơ bản của đường lối, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước và đòi hỏi sự kết hợp hợp lý giữa công tác khoa học và công tác chính trị tư tưởng trong quần chúng.

Được biết, nhiều năm gần đây, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam cùng Ủy ban Dân tộc của Chính phủ đã nhiều lần được giao nhiệm vụ thực hiện dự án *Điều tra, xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam*. Cũng đã có đề tài khoa học cấp tỉnh về chủ đề này. Không ít cuộc tọa đàm khoa học đã được tổ chức, thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu và các nhà quản lý trong nước, từ trung ương đến địa phương. Giới nghiên cứu đã có những ý kiến đề xuất khác nhau, song một số trường hợp đang còn phân vân, nên các cơ quan có thẩm quyền chưa ra quyết định cuối cùng trong việc xác định lại.

Do chưa có quy định thống nhất chính tả, ta luôn có thể gặp cùng một tộc danh với những cách gọi và cách viết khác nhau. Đề cập đến vấn đề chính tả tên các dân tộc, PGS. TS Đoàn Văn Phúc (2009) xác định: “Tên dân tộc (TDT - tộc danh) là một hiện tượng văn hóa - ngôn ngữ biểu hiện một nét văn hóa - xã hội, tâm lý - xã hội của mỗi dân tộc (tộc người - ethnic) trong những môi trường sống nhất định. Tên dân tộc là một vấn đề liên quan chặt chẽ với nguồn gốc, đặc điểm văn hóa của mỗi dân tộc” (tr. 190).

“Mỗi dân tộc thường mang nhiều tên gọi khác nhau. Ở mỗi thời kì lịch sử nhất định thì mỗi dân tộc lại có thể được gọi bằng nhiều tên khác nhau... Thế nhưng ngay trong cách viết tên dân tộc trong *Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam* do Tổng cục Thống kê công bố ngày 2 tháng 3 năm 1979 lại không thống nhất về cách viết và dường như người ta có cảm giác rằng cách viết tên dân tộc chẳng theo một nguyên tắc nhất quán nào cả” (tr. 190-191).

“Mặc dù đã từng có nhiều văn bản quy định của nhiều cấp nhiều ngành khác nhau về chính tả tiếng Việt đối với tên riêng dân tộc thiểu số, trong đó bao hàm cả tên các dân tộc thiểu số, song vấn đề viết tên dân tộc hiện nay chưa thống nhất, hết sức đa dạng, phức tạp và có thể nói là hết sức lộn xộn” (tr. 191).

Thực tế cho thấy về cách viết, theo *Danh mục các dân tộc Việt Nam* mà Tổng cục Thống kê ban hành theo Quyết định số 121 - TCTK/PPCĐ ngày 2/3/1979 thì chi

viết hoa âm tiết đầu và dùng gạch nối (-) giữa các âm tiết của một tộc danh đa âm tiết. Ví dụ: *Bố-y, Pu-péo,...* Do chưa có Luật ngôn ngữ, nên ta còn gặp các cách viết khác như chỉ viết hoa âm tiết đầu và không gạch nối. Do về sau, có quy ước viết hoa tất cả các âm tiết đối với tên riêng, nên chúng tôi theo cách viết này, ví như: *Bố Y, Pu Péo...* Nhưng khi trích dẫn, để phản ánh trung thành văn bản được khai thác, chúng tôi sẽ giữ nguyên cách viết của tác giả trong nguyên bản. Vì thế, có thể có những cách viết khác nhau ngay trong bài viết này.

2. Tộc danh gắn với quá trình xác định thành phần dân tộc

Vấn đề số lượng các dân tộc ở Việt Nam dường như không đặt ra thời thuộc Pháp. Trong một buổi trao đổi khoa học với chúng tôi vào năm 2003, cố GS Đặng Nghiêm Vạn (1930 - 2016), cho biết, vào khoảng năm 1960, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt câu hỏi có bao nhiêu dân tộc ở tỉnh Hà Tây thì mỗi người trả lời một cách khác nhau. Và thế là sau đó, các nhà nghiên cứu đã nhận trách nhiệm trả lời.

Xây dựng *danh mục các dân tộc ở nước ta* là kết quả đánh dấu từng giai đoạn phát triển của ngành dân tộc học và các ngành hữu quan. Theo dòng thời gian, chúng ta thấy các nhà nghiên cứu đã đưa ra *danh mục* vào các năm 1959, 1974, 1979 và hiện vẫn đang được tiếp tục nghiên cứu. Bản *Danh mục* về thành phần các dân tộc ở Việt Nam được công bố tương đối đầy đủ và khá chi tiết *lần đầu tiên* trong cuốn "Các DTTS ở Việt Nam" của nhóm tác giả: Lê Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu, Mạc Đường... (H., Văn hoá, 1959, 248 tr.). Theo đó, nước ta có 64 dân tộc, với 63 DTTS thuộc ba ngữ hệ khác nhau là Hán-Tạng, Môn-Khơ me, và Malayô-Pôlinêdiêng. Kết quả nghiên cứu này là một trong những cơ sở, căn cứ khoa học về mặt tộc người để tiến hành cuộc Tổng điều tra dân số toàn miền Bắc (ngày 1/3/1960).

Về công trình này, có ý kiến nhận xét rằng nhóm tác giả đã đưa các nhóm ngôn ngữ Tày-Thái, Mèo-Dao, Lạc-Việt vào ngữ hệ Hán-Tạng (mà sau này các nhà ngôn ngữ học và dân tộc học xếp các nhóm đó vào ngữ hệ Nam Á), và trong từng nhóm ngôn ngữ cũng có những nhầm lẫn như: xếp Mảng và một số nhóm Xá vào Tạng-Miến; xếp Phù Lá vào ngữ chi Tày trong nhóm Hán-Tày; xếp Mày, Rục vào Môn-Khơ me v.v

Sau nhiều lần họp bàn các vấn đề cụ thể ở địa phương, để xây dựng danh mục các DTTS phục vụ cho cuộc tổng điều tra dân số lần thứ hai, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam), trực tiếp là Viện Dân tộc học, đã phối hợp với các ngành hữu quan mở hội nghị khoa học xây dựng danh mục các DTTS ở miền Bắc nước ta vào tháng 6 và tháng 11/1973 thảo luận các vấn đề cần thiết. Hội nghị đã làm sáng rõ nhiều vấn đề cơ bản về công tác xác định dân tộc ở miền Bắc nước ta lúc bấy giờ, trên cơ sở đó xây dựng một danh mục các DTTS. Đó là một thành tựu quan trọng.

Bản Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam lần này xếp theo dân số các dân tộc, đăng trong tạp chí *Dân tộc học*, số 1/1974, tr.57-63; Danh mục xếp theo ngôn ngữ các dân tộc đăng trong cuốn "Các dân tộc ít người ở Việt Nam" các tỉnh phía Bắc (phần chú giải bản đồ), Hà Nội, 1978.

So với bản danh mục trước, nay chỉ còn 59 dân tộc (trước là 64, kể cả dân tộc Kinh). Các dân tộc đều được phân thành 3 hệ ngôn ngữ, nhưng ở lần này, ngữ hệ Môn-Khơ me được thay bằng ngữ hệ Nam Á. Trong ngữ hệ đó ngoài nhóm Môn-Khơ me còn bao gồm cả các nhóm Việt - Mường, Tày - Thái, Mèo - Dao và nhóm ngôn ngữ khác (nhóm Ka Đai).

- Những tên dân tộc được bớt đi là :

Xá, Co Chơ, Pa Dí, Thu Lao, Xạ Phang, Đan Lai-Ly Hà, Mày, Khùa, Rục, Vân Kiều, Lạt, Tơ Lốp, Cờ Don, Tơ La, La Gia, Rơ Ngao, Bih, La Oang, Cao Lan và Sán Chỉ.

- Những tên dân tộc mới xuất hiện là:

Thổ, Chứt, Kháng, Khơ Mú, Ó Đu, Hà Lãng, Co, Thủy, Pà Thên, Tổng, La Ha, Cống, Chăm Hroi, Cao Lan-Sán Chỉ, Cơ Ho.

- Những dân tộc vẫn có nhưng thay đổi tên gọi :

U Ní → Hà Nhì, Cờ Sung → La Hù, Khả Pẹ → Si La, Mạg ư → Mảng, Chi La → Si La, Lừ → Lự, Nhắng → Giáy, Chùng Trà → Bó Y, Quý Châu → Pú Nà, Kha Tu → Ca Tu, Chăm → Hrê, Mán → Dao, Puộc → Xinh Mun.

Cách xác định này được sử dụng để phân định các dân tộc trong hai cuộc điều tra dân số ngày 1/4/1974 ở miền Bắc và ngày 5/2/1976 ở miền Nam.

So với danh mục dân tộc trong cuộc điều tra dân số miền Bắc năm 1960, thì ngoài những điểm trên, ở danh mục điều tra dân số (miền Bắc) năm 1974 còn có một

số trường hợp vài nhóm nhỏ được gộp thành một dân tộc lớn hơn như: Hoa + Xạ Phang = Hoa; Mày + Sách + Rục + Arem + Mã Liềng = Chứt; Khùa + Tri + Ma Cong = Bru; Tày Pọng + Đan Lai + Ly Hà + Kẹo + Mọn + Cuối + Họ = Thổ.

Hội nghị 1973 cũng đã nêu ra những vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, làm sáng tỏ trên cơ sở khoa học có tính thuyết phục cao hơn. Tiếp tục phối hợp tiến hành nghiên cứu xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam, ngày 22/12/1978, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) cùng Ủy ban Dân tộc Trung ương (nay là Ủy ban Dân tộc) đã có tờ trình lên Thủ tướng Chính phủ về những kết quả nghiên cứu đã đạt được. Và ngày 2/3/1979, Tổng cục Thống kê đã chính thức ban hành Danh mục các dân tộc Việt Nam, làm cơ sở cho cuộc Tổng điều tra dân số năm 1979.

Thuật ngữ *dân tộc* ở đây được xác định là những cộng đồng được xác định dựa trên ba tiêu chuẩn cơ bản: đặc điểm ngôn ngữ, đặc điểm sinh hoạt - văn hóa và ý thức tự giác dân tộc.

Theo Quyết định này, nước ta có 54 dân tộc. So với bản danh mục năm 1974, có những thay đổi như sau:

1. Kết hợp hai, ba "dân tộc" thành một dân tộc:

- Giê + Triêng = Giê - Triêng
- Tu Dí + Bó Y = Bó Y
- Chăm + Chăm Hroi = Chăm
- Xơ Đăng + Hà Lãng = Xơ Đăng
- Xrê + Cơ Ho = Cơ Ho
- Pú Nà + Giáy = Giáy
- Thủy + Pà Thên = Pà Thên
- Tổng + Dao = Dao

2. Xuất hiện những dân tộc có tên gọi mới :

- Ngái (tách từ Hoa thành 2 dân tộc: Hoa và Ngái).
- Chơ Ro
- Brâu
- Rơ Măm.

3. Xác định lại một số tên dân tộc cho chính xác :

- Pa Cô → Tà Ôi
- Ca Tu → Cơ Tu
- Cao Lan + Sán Chỉ → Sán Chay.
- Mèo → Hmông.

Danh mục trên thực sự là kết quả nghiên cứu nghiêm túc về xác định thành phần dân tộc, đã được tập hợp thành sách¹ và được công bố trên các tạp chí.

Danh mục này tiếp tục được sử dụng cho các cuộc các cuộc Tổng điều tra dân số, đều đặn sau 10 năm. Đó là vào các năm: 1989, 1999, 2009 và 2019, và trong các tài liệu thống kê ở các cấp từ trung ương đến địa phương suốt từ đó đến nay

Trong nghiên cứu, khi tham khảo tài liệu nước ngoài còn phải chú ý đến sự khác biệt không chỉ về tộc danh mà có khi sự phân định tộc người ở mỗi quốc gia khác nhau. Ví dụ: Trong khi "các học giả phương Tây có xu hướng coi Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam chỉ là một tộc người; và để tiếp tục nghiên cứu các dân tộc cùng ngôn ngữ này ở Đông Nam Á, đã kiến nghị dùng tên gọi Tai để biểu hiện cho đối tượng nghiên cứu chung (Tai study)" (*Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*. 1992, tr. 49).

Được biết, trong sách *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam* do Vũ Trường Giang chb. (H. Nxb Lý luân chính trị, 2018), TS Mai Thanh Sơn đã giới thiệu quan điểm của của cố GS Phạm Hồng Quý (1934-2016), được tóm lược từ công trình *Tồng Vân Nam du nhập Việt Nam đích dân tộc* (trong sách *Tây Nam dân tộc sử nghiên cứu* (bản Trung văn), Vân Nam Nhân dân xuất bản xã, 1987) cho biết: "Hiện nay, tiêu chuẩn xác định dân tộc ở Trung Quốc cơ bản là theo bốn đặc trưng do Stalin nêu ra: một là có ngôn ngữ chung, hai là có địa vực cư trú chung, ba là sinh hoạt kinh tế chung, bốn là có tâm lý chung"... "một số tộc người cho dù dùng bất cứ tiêu chuẩn và phương pháp nào kết quả xác định của các nước cũng đều giống nhau và còn có tính chất ổn định, kéo dài hàng trăm năm không thay đổi. Có một số tộc người tên khác nhau nhưng sự thực giống nhau" (tr. 38).

3. Các trường hợp dễ nhầm lẫn khi sử dụng tộc danh

3.1. Hiện tượng đa nghĩa hoặc đồng âm

3.1.1. Do quy ước viết tắt trong tiếng Việt và phép mở rộng nghĩa, chúng ta có thể phân biệt 3 nghĩa của

tộc danh *Thái*, được đánh số thứ tự kèm theo 1, 2 và 3, như sau:

a) *Thái 1* là tộc danh do các nhà chuyên môn đề xuất, được Nhà nước ta chính thức sử dụng để chỉ một DTTS ở Việt Nam, trong khi tên tự gọi - tùy theo nhóm tộc người - được phiên âm là *Tay/Tăy/Thay*. Ví dụ: Cuốn sách của *Cầm Trọng* có tên là *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam* (1978).

Được biết rằng khi là danh từ chung, từ *tay/tăy* chỉ có nghĩa là "người", như được dùng trong: *tay hườn khôi* (người nhà tôi), *kec pay tay ma* (kẻ đi người lại), hay "tộc người", như trong: *tay Pháp* (người Pháp), *tay Lào* (người Lào), *tay Keo* (người Kinh) hoặc "nhóm người", như trong: *tay Mường Lay* (người Mường Lay), gọi tắt là *tay Lay*...

Chỉ khi là danh từ riêng - được viết hoa - từ này mới được dùng để chỉ "tộc danh": *Kón Tăy* (người Thái). Theo đó, người Thái Đen tự gọi mình là *kôn Tay/Tăy Dăm*. Trong khi đó, người Thái Trắng và các nhóm khác tự gọi mình là *Phụ/Phu Tay/Thay*, mà *Phụ /Phu* cũng là "người": Vì thế, người ta tự gọi mình là: *Tay Đón/Khao* = Thái Trắng, *Tay Thanh* = Thái Thanh, *Tay Mỏi*. *Tay Mười* = Thái Quỳnh Châu, *Tay Mường* = Thái Hàng Tồng. *Tay Deng*, có người dịch là "Thái Đơ".

Sự nhầm lẫn dễ xảy ra khi gặp những tên ghép, như *Tay Mường*, do có thể được viết là *Tày Mường* nên có nhân viên thư viện nọ², khi phân loại tài liệu, đã tưởng đó là sách viết về hai dân tộc *Tày* và *Mường*.

b) Ở dạng tắt, *Thái 2* được dùng thay cho tên nước *Thái Lan*, như khi nói đến *hàng Thái*, *tiếng Thái*... Ví dụ luận án của Siriwong Hongswan được in thành sách có tên là *Các phương tiện thể hiện hành động bác bỏ trong tiếng Thái và tiếng Việt* (2011). Dân cư Thái Lan chủ yếu là người Thái, họ vẫn tự gọi dân tộc mình là *Tay* hoặc *Thay* và thường có thêm một yếu tố hạn định là *Klang* (có nghĩa là giữa).

c) Mở rộng nghĩa, *Thái 3* được dùng trong *Thái học*, để chỉ ngành khảo cứu về 08 dân tộc thuộc nhóm *Tày - Thái* hay *Thái -Tày* ở Việt Nam. Hiện nay, *Thái học* còn được giới nghiên cứu trong nước và thế giới quan niệm với phạm vi rộng hơn nữa, là những khảo cứu có liên quan đến cả 12 dân tộc thuộc *ngữ hệ Thái - Kadai*, có nghĩa là hướng sự quan tâm thêm vào 4 tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ *Kadai* nữa, ví dụ như một công trình

¹ *Danh mục cốt cơ quan, cốt đơn vị hành chính, cốt thành phần dân tộc*. H., Nxb Thống kê, 1982, 43 tr.

² Võ lý do tế nhị, xin phép khụng nêu tên một số trường hợp cụ, thể.

tập thể có tên là *Thái học Việt Nam: 30 năm - Một chặng đường* (2019).

Trong các văn bản tiếng Anh và tiếng Pháp, ta cũng gặp các cách viết là *Thai* hay *Tay* hoặc *Tai Studies*.

3.1.2 Dễ nhầm hơn là trường hợp có hiện tượng đồng âm, khi tộc danh được dùng ở các thời kỳ khác nhau, với phạm vi sử dụng khác nhau. Đó là trường hợp cùng được viết là *Thổ*, nhưng lại chỉ hai dân tộc thiểu số hoàn toàn khác nhau. Đó là:

Thổ 1 là tên gọi chính thức mới xuất hiện trong Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam (1974) dùng để chỉ một dân tộc thiểu số thuộc nhóm *Việt-Mường*, hình thành từ sự gộp nhập tộc người trước đó có tên là *Dan Lai-Ly Hà* với các nhóm: *Cuối + Họ + Kẹo ++ Mọn + Tày Poong*. Ví dụ: Cuốn sách của Quán Vi Miên có tên là *Văn hóa dân gian dân tộc Thổ* (2013).

Trong khi đó, *Thổ 2* (vốn là tên gọi do dân tộc khác đặt ra để chỉ người *Tày*, trong điều kiện nhiều dân tộc khác đến cùng chung sống; tộc danh này được dùng để chỉ đây là dân bản địa hay thổ dân, nếu phiên chuyển âm chính xác thì phải là “*Thó/Thỏ*, với nghĩa là “bản địa”, “địa phương”, như: *cản Thỏ* (người *Thỏ*), *phái Thỏ* (vài địa phương tự đặt). *da thỏ* (thuốc do thầy lang địa phương chế). Ví dụ: Bài viết của Nguyễn Văn San có tên là *Văn tự Thổ và cách ghi âm*, đăng trên *Văn sử địa* (1955).

Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, Bác Hồ viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán... và các dân tộc khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt.”³

Hiện nay, người dân ở một số địa phương vẫn còn sử dụng tên gọi này trong giao tiếp hàng ngày. Và trong sách văn học, ta có thể gặp, chẳng hạn:

•Lào Cai là một tỉnh có diện tích 69 km vuông, 70.000 dân, gồm 6-7 dân tộc: *Thổ, Mèo, Lô Lô...* (Nguyễn Thị Mỹ Dung.- *Chuyện tình viên phó sứ*. H., Nxb Phụ nữ, 2005, tr. 84).

Để phân biệt khỏi nhầm với với *Thổ 1*, có tác giả còn chỉ rõ đây là *Tày Thổ*.

3.2. Những tên ghép

Không chỉ sinh viên mà không ít các nhà khoa học xã hội - không chuyên về các vấn đề dân tộc - cảm thấy

lúng túng khi cần hiểu cho đúng các nhóm từ này. Cần phân biệt trong đời sống ngôn ngữ, có hai loại tên ghép thường được sử dụng: để chỉ: 1) một dân tộc và 2) một cộng đồng đa dân tộc được giới nghiên cứu xác định là thuộc cùng một nhóm (nhánh, chi) ngôn ngữ hay một ngữ hệ (họ).

3.2.1. Đó là trường hợp tên ghép hình thành từ sự gộp nhập hai nhóm trước đó được xác định là dân tộc, chẳng hạn như: từ các tộc danh đã có: *Giẻ* và *Triêng* hợp nhất thành dân tộc *Giẻ-Triêng*, từ hai dân tộc trước đó có tên là *Bru* và *Vân Kiều* hợp nhất thành dân tộc *Bru-Vân Kiều*. Trường đặc biệt là từ hai dân tộc *Cao Lan* và *Sán Chỉ*, có thời gộp thành dân tộc *Cao Lan-Sán Chỉ*, về sau lại đổi thành *Sán Chay*.

Đó cũng là trường hợp tên ghép được dùng để chỉ một nhóm tộc người không liên quan gì đến dân tộc *Tày* (= *Thổ 2*) mà đều là các nhóm người Thái. Đó là: *Tày Khao, Tày Dăm, Tày Chiêng* hay *Tày Mường* (Hàng Tổng), *Tày Thanh* (Man Thanh), *Tày Mươi, Tày Đeng, Tày Khăng, Tày Đà Bắc*⁴, hay *Tày Hạc*, được dùng để chỉ người *O Đu*.

3.2.2. Khác hẳn với các trường hợp trên, tên ghép được dùng để chỉ một cộng đồng các dân tộc thuộc cùng một nhóm/ nhánh/ chi) ngôn ngữ (như *Mông-Dao, Tày-Thái, Việt-Mường...*) hay một ngữ hệ/ họ (như: *Hán-Tạng, Thái-Kadai*.)

2.2.3. Lại có trường hợp khá đặc biệt, đó là *Tày - Nùng*. Mới đây chúng tôi gặp trong bản thảo một công trình đưa in, có lúc viết tác giả là *các dân tộc Tày - Nùng*, rồi ở trên dùng *tiếng Tày*, xuống thêm 2 dòng dùng *tiếng Tày - Nùng* (tr. 112), *song ngữ Tày Nùng - Việt* (tr. 130), *người Tày Nùng* (tr. 336). học sinh người Nùng “dùng song ngữ Tày - Việt” (tr. 354), đến chỗ khác lại viết: *tiếng Tày, Nùng...* Về sau lại viết: Các ngôn ngữ:... *Tày, Nùng* (tr. 356).

Xin nhớ rằng tuy có một số lần chính thức thay đổi cách phân định tộc người ở nước ta (như đã nói ở trên), song từ trước đến nay *Nùng* và *Tày* luôn được xác định là 2 DTTS khác nhau. Do vậy, có thể viết: các dân tộc *Tày Nùng*, nhưng tốt hơn hết là viết: các dân tộc *Tày, Nùng* và rõ hơn là: các dân tộc *Tày* và *Nùng*.

³ HỒ CHÍ MINH, *Tuyển tập*, tập 4, H., Sự thật, 1984, tr. 128

⁴ Được biết, ngày 11/8/2019. Trung tâm Giáo dục Thường xuyên huyện Đà Bắc đã có Thông báo mở lớp tiếng dân tộc Thái (theo sách giáo khoa *Xứ Tay* của huyện Mai Châu), không gọi là chữ *Tày* cổ như trước đây

(theo người dân thích gọi mình là *Tày* vì tự gọi là *Phu Tay*) cho cán bộ công chức trong huyện, văn do thầy Lương Đức Chôm (đã dạy từ 2012) thực hiện.

Song do văn hóa truyền thống của hai dân tộc này - thường sống kề cạnh - có nhiều nét tương đồng (bên cạnh một số điểm khác biệt) có thể ghép chung thành *văn hóa Tày - Nùng, cộng đồng Tày - Nùng*, như trên mạng xã hội hiện nay có *Hội Tày-Nùng Việt Nam*, hoạt động ở 8 khu vực,

Do ngôn ngữ của các nhóm người Tày và người Nùng (khi sống kề cạnh) thường có những nét tương đồng, nên sau khi thành lập Khu tự trị Việt Bắc (năm 1957), một *Phương án chữ Tày - Nùng* được xây dựng và thông qua (năm 1961). Từ đó, các nhà nghiên cứu nói đến *tiếng Tày - Nùng* chung, trong khi mỗi thứ tiếng lại có nhiều phương ngữ, không chỉ khác biệt về ngữ âm mà cả từ vựng. Sự gộp nhập trên đã khiến cho có học giả nước ngoài hiểu lầm là ở Việt Nam có một dân tộc thiểu số mang tên là "Tày-Nùng", và như thế, nước ta chỉ có 53 (chứ không phải 54) dân tộc (!)

*

* *

Ngoài hai trường hợp nói trên, do chưa có quy định thống nhất chính tả cho mọi trường hợp, ta luôn có thể gặp cùng một tộc danh nhưng đã có những cách gọi và cách viết khác nhau được công nhận ở những thời điểm khác nhau.

. Chẳng hạn như *Mèo cv. Mẹo* là tên gọi trước đây của một dân tộc thiểu số. Ví dụ: Bài viết của *Vương Quỳnh Anh* có tên là *Vài ý kiến về vấn đề từ mượn trong tiếng Mèo*. In trong "*Tập san dân tộc*" của Ủy ban Dân tộc Trung ương (1960).

Tên gọi này đã chính thức được thay đổi thành *Hmông*, theo Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam (1979), song do không nhận được sự đồng thuận, nên đã có quyết định gọi chính thức là dân tộc *Mông* trong Thông báo số 02 ngày 3-9-1992 của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng về ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) tại Hội nghị vùng cao về dân tộc này.

Khi chỉ có quy định cho một trường hợp thì không phải ai ai cũng biết mà theo. Do đó, hai cuốn sách xuất bản cùng năm có thể viết tên dân tộc này theo hai cách. Ví dụ: Cuốn sách do *Hùng Đình Quý* d., gth. có tên là *Những bài khèn của người Mông ở Hà Giang* (2005). Trong khi đó cuốn sách của *Vương Duy Quang* có tên

là *Văn hoá tâm linh của người Hmông ở Việt Nam/ Truyền thống và hiện đại* (2005).

4. Kết luận

Thực tế cho thấy với một số tộc danh tưởng không có gì xa lạ thế mà vẫn có nhà nghiên cứu, nhất là học giả nước ngoài thấy khó phân biệt khi cần đối chiếu với cách được viết thường gặp trên sách báo bằng tiếng nước ngoài.

Việc xác định tộc danh khi nghiên cứu tộc người nói chung, các DTTS nói riêng nên được xác định và hiểu cho đúng đối tượng, nên so sánh với những tên gọi đã quen biết, để tránh "*ông nói gà, bà nói vịt*".

Chúng tôi đã có dịp góp ý kiến về việc biên soạn *Tiêu đề đề mục* "Việt Nam - các ngôn ngữ" nhằm phân loại tài liệu sao cho phù hợp với cách phân chia ngôn ngữ theo dân tộc. Trong tình hình số lượng dân tộc được quan niệm không tương ứng với số ngôn ngữ hay nói đúng hơn, theo giới chuyên môn thì "Việt Nam có 54 dân tộc, nhưng có đến gần 100 ngôn ngữ/phương ngữ DTTS hành chức" ⁽⁵⁾, mỗi dân tộc và nhóm dân tộc lại có thể có nhiều tên gọi (cũ và mới) thì việc xác định cho đúng đối tượng được đề cập trong một văn bản cần có kiến thức chuyên ngành sâu sắc. Việc nhận biết những chi tiết ở trên còn nhằm hiểu và sử dụng đúng các cách ghép tên dân tộc.

Vấn đề nêu ra trên đây chỉ muốn được xem như gợi ý nên thận trọng với công tác phân loại tài liệu khoa học, cần đọc kỹ để xác định từ khóa hay định chủ đề cho đúng và đầy đủ. Đặc biệt là khi xử lý các tài liệu bằng tiếng nước ngoài cần thận trọng, và quan trọng nhất là phải xác định được nhà nghiên cứu đề cập đến (nhóm) dân tộc - ngôn ngữ nào.

⁵ Báo cáo tóm tắt chuyên khảo *CSNN của Nhà nước CHXHCNVN trong thời kỳ CNH, HDDH đất nước và hội nhập quốc tế: Thực trạng, các kiến nghị và giải pháp*. Hà Nội, 2010, tr. 23

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vi Văn An (2001), *Góp phần tìm hiểu về tên gọi Thái Đen và Thái Trắng ở miền tây Nghệ An*, Tc. *Dân tộc học*, số 4, tr. 32-36.
2. Lê Sĩ Giáo (1988), *Về bản chất và ý nghĩa tên gọi các nhóm Thái Trắng và Thái Đen ở Việt Nam*. Tc. *Dân tộc học*, số 3, tr.77-81.
5. Đoàn Văn Phúc (2009), *Vấn đề chính tả tên các dân tộc thuộc ngữ hệ Hán - Tạng*, Trong: *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. H., KHXH, tr. 190-221.
6. Mông Ký Slay (2002), *Tày Nùng, Tày - Nùng hay...* Trong: “Văn hoá và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam”. H., Nxb Văn hoá Thông tin, tr. 69-76.
7. Vương Toàn (2000), *Về tên gọi các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái ở Việt Nam // What should the ethnic groups in the Thai linguistic family in Vietnam be called? Tóm tắt báo cáo Hội nghị quốc tế lần thứ năm về các ngôn ngữ châu Á*. ĐHQG tp HCM, 2000, tr. 256-258.
8. Vương Toàn (2002), *Nùng hay Nùng?* Trong: “Văn hoá và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam”. H., Nxb Văn hoá Thông tin, tr. 77-84.
9. Vương Toàn (2008), *Góp ý về biên soạn Tiêu đề đề mục "Việt Nam - các ngôn ngữ"*. "Bản tin Thư viện
3. Vương Hùng (2002), *Thái - Thổ - Tày - Nùng*. Trong: “Văn hoá và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam”. H., Nxb Văn hoá Thông tin,
4. Hoàng Văn Ma (2019), *Về tên gọi họ Thái - Kadai*. Trong : “Thái học Việt Nam: 30 năm - Một chặng đường”. H., Nxb Thông tin và Truyền thông, tr. 154-166.
- Công nghệ thông tin". Trường ĐH Khoa học Tự nhiên TP Hồ Chí Minh, tháng 5/2008, tr. 33-44.
10. Vương Toàn (2011), *Hiểu cho đúng các nhóm từ: Tày - Nùng, Tày - Thái, Tày - Thổ*. Báo cáo tại Hội thảo Ngữ học toàn quốc do Hội Ngôn ngữ học phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng tổ chức ngày 22/4/2011.
11. Vương Toàn (2019), *Xung quanh tộc danh và ngôn ngữ của hai dân tộc Tày và Nùng hiện nay*. Bài trình bày tại Hội thảo khoa học quốc gia *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn xác định thành phần ngôn ngữ trong quan hệ với xác định thành phần tộc người ở Việt Nam*, do Viện Ngôn ngữ học tổ chức, ngày 21/1/2019.
12. Cầm Trọng (1992), *Từ những tên gọi của từng dân tộc trong cộng đồng ngôn ngữ Tày - Thái, chúng ta có thể nghiên cứu gì về nguồn gốc của họ*. Tạp chí Dân tộc học, Viện Dân tộc học, số 4, tr.14 - 20.

Ethnonymes used in linguistic life in Vietnam

Vuong Toan

Article info

Recieved:
27/3/2020
Accepted:
10/6/2020

Keywords:

Ethnonyme, Ethnic group,
Language use, Vietnam

Abstract

Official ethnonymes with different writings may change according to the decisions to determinate ethnic compositions made in our country each time

This article reiterates the changes that need to be noted to avoid confusion when processing and exploiting information for researches on different ethnic groups in Vietnam. Particular caution must be exercised when combining ethnic names

